

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:80/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 7 - 2020

V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa

bà H và ông H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Dụ;

Ông Lê Văn Hùng,

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2020 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lại Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1960; địa chỉ: Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

-Người làm chứng: Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1999; địa chỉ: Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lại Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Viết H trước đây là vợ chồng, do chung sống với nhau không hạnh phúc nên năm 2019 bà đã làm đơn xin ly hôn ông Nguyễn Viết

H ra Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường để giải quyết. Tại Quyết định số 208/2019/QĐST - HNGĐ ngày 23/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã công nhận thuận tình ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Viết H nhưng phân tài sản giữa bà và ông H chưa giải quyết.

Năm 1981 bà và ông H lấy nhau, bà và ông H ở cùng với mẹ chồng và các em chồng, do ở trệt trọi, tháng 6 năm 1982 bà làm đơn ra xã Xuân Phú để xin đất ở riêng, xã Xuân Phú đã nhất trí cho vợ chồng bà một thửa đất gò, đất đồng màu giáp nghĩa địa Làng Lãng Năng đội 7, xã Xuân Phú, phía nam giáp sông Sò và cạnh đó có mấy hộ dân đã ở. Diện tích đất lúc xã cấp cho bà và ông H chưa biết là bao nhiêu, thời điểm đó ông H đang đi làm ăn ở trong Miền Nam. Ngày 24 tháng 12 năm 2007, UBND huyện Xuân Trường đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Viết H, bà Lại Thị H, tại thửa đất số 129, tờ bản đồ 18, diện tích đất 660m²; trong đó đất ở 260m², đất vườn 400m².

Tháng 3 năm 1986, bà và ông H xây 01 nhà 3 gian cấp 4 mái ngói quay hướng tây, làm hết bao nhiêu tiền bà không nhớ.

Năm 1988, bà và ông H tiếp tục xây 02 gian bếp nhỏ (một gian để làm bếp, một gian làm chuồng lợn).

Năm 2003, bà và ông H xây 03 gian nhà mái bằng kiên cố cùng công trình phụ nối với nhà quay hướng Nam diện tích không nhớ bao nhiêu m², đổ sân bê tông, xây tường bao quanh thổ cao 1,2m và trên có rào sắt cao 1m.

Tiền làm các công trình trên đều do bà và ông H tích góp được. Quản lý kinh tế trong gia đình do ông H là người quản lý.

Khi bà còn khỏe mạnh làm ruộng, chăn nuôi lợn, gà còn có đồng tiền để sinh hoạt chi tiêu hàng ngày và nuôi các con. Kinh tế thu nhập chính của gia đình là thu vườn điều ở thôn 5, xã Đường Mười, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (bà và ông H có 2 mảnh đất, một mảnh là 8802,0m², mảnh vườn này mua năm 2003 của anh Đ giá 3 triệu đồng người ở xã Xuân Đài, nhưng anh Đ đang sinh sống ở trong Miền Nam, một mảnh diện tích là 29060,0m², mảnh vườn này mua năm 1996, ngoài ra còn xin được đất của đồng bào Tây Nguyên). Mỗi một năm thu hoạch bán điều bông 160.000.000đ, số tiền bán điều bông là do ông H quản lý và vợ chồng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, thu hoạch điều theo mùa cứ đến đầu tháng 12 hàng năm bà vào thu hoạch, đến 3 tháng sang năm sau là thu hoạch xong, sau khi thu hoạch xong thì bà lại ra ngoài Bắc ở và nuôi các con ăn học. Do bà bị bệnh không đi làm được từ năm 2013 đến năm 2018 việc thu hoạch điều bông đều do ông H quản lý số tiền, mỗi năm 160.000.000đ x 6 năm = 960.000.000đ. Còn từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, ông H thu hoạch điều bông và bán được bao nhiêu tiền thì bà không lắm được. Bởi từ tháng 10 năm 2019 đến nay bà và ông H đã ly hôn nên không biết được ông H thu hoạch điều bông được bao nhiêu tiền. Để bà chứng minh được khoản thu này thì bà không có tài liệu, bà chỉ còn có hai giấy tờ chứng minh là ông H bán điều ngày 06/9/2016 cho anh Trần Văn T số tiền là 170.000.000đ và ngày 11/11/2004 bán

cho anh Ngô Văn K số tiền là 130.000.000đ, anh T, anh K những người làm rẫy ở trong đó cùng với ông H. Trước đây bà có đề nghị Tòa án xem xét, nay bà không yêu cầu Tòa án xem xét về khoản tiền thu nhập từ điều nữa. Cũng như các thửa đất ở thôn 5, xã Đường Mười, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ngoài ra bà và ông H còn có một số đồ dùng sinh hoạt khác, ông H trình bày bà phải chịu trách nhiệm về bộ bàn ghế, kệ tivi, 2 cặp lộc bình, bà không nhất trí, những tài sản này con Nguyễn Văn D đã bán đi và chi tiêu hết rồi nên bà không đề nghị Tòa án xem xét.

Trước đây bà có quan điểm khi phân chia tài sản bà nhận 2/3 thửa đất cùng toàn bộ các công trình nằm trên phần đất đó, phần đất còn lại phía tây thổ đất không có công trình thì bà để lại cho ông H sử dụng. Sau khi có kết quả đo đạc và Tòa án hòa giải thì bà có quan điểm là xin nhận phần đất phía đông thổ đất trên đó có 3 gian nhà cấp bốn đã hết khấu hao sử dụng và phần đất phía tây thổ đất sử dụng. Còn phần đất ở giữa có nhà mái bằng kiên cố, cổng để cho ông Hương sử dụng, ai nhận nhiều tài sản thì người đó có trách nhiệm thanh toán cho bên kia.

Theo biên bản lấy khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Viết H trình bày: Bà H trình bày trước đây bà H và ông là quan hệ vợ chồng, do vợ chồng không chung sống được với nhau nên năm 2019 bà H đã làm đơn xin ly hôn ông đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường công nhận thuận tình ly hôn hai bên là đúng, nhưng phần tài sản giữa ông và bà Hảo chưa giải quyết.

Khoảng năm 1981-1982, mẹ ông là bà Nguyễn Thị T là mẹ của Liệt sĩ Nguyễn Quang V, mẹ ông xin xã Xuân Phú diện tích đất là 660m² đất ở đội 7, xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Sau khi mẹ ông xin được đất, mẹ ông đã cho vợ chồng thửa đất này.

Tháng 3 năm 1986, ông và bà H xây một nhà 3 gian cấp 4 quay hướng tây, diện tích khoảng 35m², ngoài ra còn xây dựng công trình phụ đơn giản.

Năm 2003, ông và bà H xây 3 gian nhà mái bằng kiên cố quay hướng Nam diện tích khoảng 80m², ngoài ra còn đổ sân bên hông, xây tường bao loan quanh thổ.

Tiền làm các công trình trên là do vợ chồng tích góp được và vay mượn của anh em, tiền vay mượn không còn liên quan gì nữa. Công sức đóng góp vào tài sản là ngang nhau.

Bà H trình bày ông và bà Hảo còn 2 mảnh đất ở xã Đường Mười, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước là không đúng, ông và bà Hảo không có đất này, hai mảnh đất ông mượn của đất Lâm Trường Bù Đăng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, đất không có giấy tờ, mượn để canh tác. Năm 2017, ông không làm nữa nên trả lại đất cho Lâm Trường, do hợp đồng bằng miệng nên khi trả lại đất cho Lâm Trường không có văn bản giấy tờ.

Bà H cho rằng từ năm 2013 đến năm 2018 ông bán điều mỗi năm thu là 160.000.000đ x 6 năm = 960.000.000đ là không có, bà H phải chứng minh và đưa ra được cái tài liệu thì ông mới chấp nhận nhưng bà H đã trình bày với Tòa án là không có tài liệu nào để chứng minh; đối với giấy bán điều lập ngày 11/11/2004 cho anh Ngô Văn K người ở trong Miền Nam số tiền 130.000.000đ, số tiền này ông dùng vào việc cho con ăn học, còn lại mua sắm đồ đạc trong gia đình và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là hết. Số tiền bán điều 170.000.000đ cho anh Trần Văn T ở trong Miền Nam (ngày 6/9/2016). Số tiền này ông đã chi tiêu mua điện thoại, máy vi tính cho con trai hết 14.000.000đ; làm lại cổng và ốp nhựa tường nhà, thay cửa nhà vệ sinh, sơn lại cửa hết tổng số tiền là 37.000.000đ, mua 01 ti vi Sam sung 6.000.000đ, còn lại chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là hết. Khi ông và bà H còn là vợ chồng thì vợ chồng quản lý kinh tế chung. Từ năm 2016, bà H bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình nữa thì ông là người quản lý kinh tế chi tiêu trong gia đình.

Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình: Năm 2006 mua một bộ bàn ghế gỗ giá trị lúc đó là 27.000.000đ; 01 kệ để ti vi gỗ pơmu lúc mua 15.000.000đ; 02 cặp lọ lục bình gỗ dáng hương lúc mua là 50.000.000đ, những tài sản này để ở nhà. Tháng 11 năm 2019, ông đi vào làm ở Bình Phước, ở nhà bà H đã chuyển hết các tài sản này đi đâu không rõ, khi ông về hỏi thì bà H nói bà không biết. Bà H phải chịu trách nhiệm về số tài sản này, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 3 tháng 7 năm 2020, ông đã thay đổi quan điểm là không yêu cầu bà H phải chịu trách nhiệm về tài sản này nữa với lý do tài sản này anh Nguyễn Viết D là con trai ông và bà H đã bán đi để chi tiêu cá nhân nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh, ông và anh D tự giải quyết với nhau.

Quan điểm của bà H là nhận phần đất trên đó có các công trình, còn phần đất không có công trình để lại cho ông, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 3/7/2020 ông có quan điểm là nhận phần đất ở giữa trên đó có nhà mái bằng và công trình phụ còn để lại cho bà H ở phần đất phía đông có nhà 3 gian cấp 4 và phần đất phía tây thổ đất nhưng với điều kiện từ chân móng nhà mái bằng ra để cho ông 2 mét đất chiều rộng nữa thì ông mới nhất trí.

Anh Nguyễn Viết D trình bày: Anh là con trai của ông Nguyễn Viết H và bà Lại Thị H, vào khoảng tháng 11 năm 2019, lúc đó bố mẹ anh đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn, bố anh là Nguyễn Viết H đang làm ăn ở trong Miền Nam, còn mẹ anh đi làm ăn ở Hà Nội, có mình anh ở nhà. Trước khi bố anh là ông H đi Miền Nam anh có xin tiền ông H để mua xe máy, do ông H không cho tiền nên anh đã lấy và bán 01 bộ bàn ghế, 01 kệ để ti vi, 2 cặp lọ bình bằng gỗ cho một người thu mua nội thất cũ chỉ biết ở Hà Nội; tổng số tiền 17.000.000đ. Số tiền này anh dùng vào việc mua thuốc hết 4 triệu đồng, vì anh bị gai đôi cột sống, số tiền còn lại mua một chiếc xe máy cũ 7 triệu đồng và 01 chiếc điện thoại Retmi Not 8 giá 6 triệu đồng; chiếc xe máy anh đi một thời gian rồi bán lại cho một người khác, không nhớ tên, tuổi ở trên Hà Nội được 4 triệu đồng, số tiền này anh đã chi tiêu cho cá nhân hết. Anh tự ý lấy những tài sản này mang đi bán không được sự đồng ý của ông H, bà Hảo là sai, anh xin chịu trách nhiệm

với ông H, bà H, cụ thể ở đây anh xin chịu trách nhiệm với ông H về tài sản này, nếu ông H yêu cầu anh phải trả số tiền này thì anh xin chịu trách nhiệm. Anh đề nghị Tòa án không xem xét điều chỉnh.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X.

Bà Lại Thị H và ông Nguyễn Viết H trước đây là vợ chồng hôn nhân hợp pháp, do bà H và ông H mâu thuẫn lên bà H đã làm đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường. Tại quyết định số 208/2019/ QĐST ngày 23/10/2019, Tòa án ND huyện Xuân Trường đã công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông H.

Ông H và bà H có thửa đất số 129 tờ bản đồ số 18, diện tích là 660 m², trong đó 260 m² đất ở, đất vườn 400 m² tại xóm 7, xã X đã được UBND huyện Xuân Trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/12/2007 là đúng. Hiện nay bà H đang sử dụng căn nhà 3 gian cấp 4, ông H sử dụng căn nhà mái bằng. Nay bà Lại Thị H có đơn chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với ông Nguyễn Viết H, để đảm bảo quyền lợi của đương sự trên hình thể thửa đất đề nghị Tòa án phân chia tài sản cho bà H và ông H cho phù hợp với diện tích đất được sử dụng cũng như các công trình nằm trên thửa đất để ông H và bà H có chỗ ăn ở sinh hoạt ổn định. Ai nhận nhiều tài sản có giá trị thì phải thanh toán cho bên kia. Bà H hiện nay rất khó khăn phải đi làm giúp việc tại Hà Nội. Bà H và ông H không liên quan nợ nần gì với cơ sở, còn nợ cá nhân nào thì địa phương không biết.

Kết quả xem thẩm định, định giá tài sản.

- 01 căn nhà mái bằng và công trình phụ gắn liền giá trị còn lại 95.000.000đ
- 01 cổng và cánh cổng giá trị 2.000.000đ.
- 03 gian nhà cấp 4, bếp, lán chăn nuôi, sân bê tông, tường bao loan xung quanh thổ đất đều đã hết khẩu khao không còn giá trị.
- Diện tích đất 660m².
- Đất ở giá 5.000.000đ;
- Đất vườn giá 3.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật,;

Nội dung: Căn cứ vào Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử giao cho bà Lại Thị H được quyền sử dụng

phần đất phía đông thổ đất trên đó có các công trình xây dựng và phần đất phía tây thổ đất. Phần đất ở giữa trên có nhà mái bằng kiên cố và cổng giao cho ông Nguyễn Viết H được quyền sử dụng. Do ông H được sử dụng phần đất giá trị hơn bà H, ông H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà H.

Về án phí: Ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí tài sản, còn bà Lại Thị H phải chịu án phí tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Để có cơ sở xem xét việc phân chia tài sản giữa bà Lại Thị H và ông Nguyễn Viết H sau khi ly hôn thì cần xem xét một cách khách quan và toàn diện tài liệu chứng cứ, quy định của pháp luật trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có nhận định, đánh giá cụ thể như sau:

Bà Lại Thị H và ông Nguyễn Viết H trước đây là vợ chồng, bà H và ông H không chung sống được với nhau nên bà H đã làm đơn xin ly hôn anh H ra Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường để giải quyết. Tại Quyết định số 208/2019/QĐST - HNGĐ ngày 23/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lại Thị H và ông Nguyễn Viết H nhưng phần tài sản chưa giải quyết.

Khi bà H và ông H còn là vợ chồng, bà H và ông H đã tạo lập được một khối tài sản chung là thửa đất số 129 tờ bản đồ số 18, diện tích là 660 m², trong đó đất ở 260 m², đất vườn 400 m² tại xóm 7, xã X đã được UBND huyện Xuân Trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/12/2007 mang tên Nguyễn Viết H, Lại Thị H. Trên diện tích đất này có 01 nhà mái bằng kiên cố cùng công trình phụ gắn liền trị giá còn lại 95.000.000đ, công giá trị còn lại 2.000.000đ; 01 nhà 3 gian cấp 4, 01 bếp và lán chăn nuôi, tường bao loan đều hết khẩu khao không còn giá trị. Khi phân chia tài sản cả ông H và bà H xác định công sức đóng góp vào khối tài sản là ngang nhau. Bà H đang sử dụng căn nhà 3 gian cấp 4, khi chia tài sản bà H là xin nhận sử dụng phần đất phía đông thổ đất và phần đất phía tây thổ đất cũng như các công trình xây dựng nằm trên diện tích đất này. Phần đất ở giữa và nhà mái bằng kiên cố, cổng ông H đang sử dụng bà H để lại cho ông H sử dụng, ai nhận nhiều tài sản có giá trị hơn thì phải thanh toán cho bên kia. Ông H cho rằng phần đất ở giữa ông xin nhận cùng với

căn nhà mái bằng kiên cố, công nhưng tính từ chân móng nhà mái bằng bà H phải để ra mỗi bên là 2 mét.

Căn cứ vào hình thể thửa đất cũng như các công trình xây dựng trên thửa đất, nguyện vọng của đương sự và đảm bảo về nơi ăn chỗ ở của đôi bên nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho bà H được quyền sử dụng phần đất phía đông thổ đất trên đó có 01 nhà 3 gian cấp 4, bếp, lán chăn nuôi, tường bao loan và phần đất phía tây thổ đất. Giao cho ông H được quyền sử dụng phần đất ở giữa thổ cùng 01 căn nhà mái bằng kiên cố, công và tường bao loan. Khi giao các phần đất nói trên cho bà H và ông H được quyền sử dụng, đảm bảo không bị ảnh hưởng đến các công trình xây dựng trên phần đất mà bà H, ông H được nhận.

Trong đó đất ở giá là 5.000.000đ/m², đất vườn giá là 3.000.000đ/m², nhà mái bằng và công trình phụ gắn liền với nhà có giá 95.000.000đ; công có giá 2.000.000đ. Phần diện tích đất cùng nhà mái bằng và công trình phụ gắn liền giao cho ông H được sử dụng có giá trị hơn phần đất giao cho bà H nên ông H còn phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà H.

Đối với hai thửa đất ở thôn 5, xã Đường Mười, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước bà H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với các khoản tiền mà ông H bán điều bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với bộ bàn ghế, kệ để ti vi, 2 cặp lộc bình bằng gỗ mà anh Nguyễn Viết Dương là con của ông Nguyễn Viết H và bà Lại Thị H đã bán đi. Ông H và bà H tự giải quyết nội bộ với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù.

[3] Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của bà Lại Thị H đối với ông Nguyễn Viết H. Cụ thể sẽ giao cho bà H được quyền sử dụng phần đất phía đông thổ đất diện tích là 195m² đất, trong đó đất ở 53m² x 5.000.000đ/m² = 265.000.000đ, đất vườn 142m² x 3.000.000đ/m² = 426.000.000đ và phần đất phía tây thổ đất 177 m² vườn x 3.000.000đ/m² = 531.000.000đ, cũng như 3 gian nhà cấp 4, 01 bếp, lán chăn nuôi, tường bao loan (hết khấu hao không còn giá trị) nằm trên diện tích nói trên; tổng giá trị tài sản là 1.222.000.000đ. Ông H được quyền sử dụng phần đất ở giữa diện tích là 288m², trong đó đất ở 207 x 5.000.000đ/m² = 1035.000.000đ; đất vườn 81m² x 3.000.000đ/m² = 243.000.000đ; và 01 căn nhà mái bằng kiên cố cùng công trình phụ gắn liền trị giá 95.000.000đ; công 2.000.000đ; tổng giá trị 1.375.000.000đ; tường bao loan, sân bê tông nằm trên

diện tích nói trên. Do ông H được nhận giá trị tài sản lớn hơn bà H, ông H còn phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà H là 76.500.000đ.

[4] Về án phí: Ông H và bà H phải chịu án phí trên phần tài sản mà mình được hưởng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi và có đơn đề nghị xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu của bà Lại Thị H về chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với ông Nguyễn Viết H.

Giao cho bà Lại Thị H được quyền sử dụng phần đất phía đông diện tích 195m², trong đó đất ở 53m², đất vườn 142m² và phần đất phía tây diện tích 177m² đất vườn, giá trị là 1.222.000.000đ cũng như 01 nhà 3 gian cấp 4, bếp, lán chắn nuôi cùng tường bao loan đã hết khấu hao không còn giá trị nằm trên diện tích đất trên.

Giao cho ông Nguyễn Viết H được quyền sử dụng phần đất ở giữa diện tích 288m², trong đó đất ở 207m², đất vườn 81m² cùng 01 nhà mái bằng kiên cố và công trình phụ gắn liền, cổng, giá trị 1.375.000.000đ, cũng như tường bao loan, sân bê tông đã hết khấu hao nằm diện tích đất trên.

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của các thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo)

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định bản án.

Buộc ông Nguyễn Viết H phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà Lại Thị H số tiền là 76.500.000đ (*Bảy mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng*).

Bà Lại Thị H được nhận ở ông Nguyễn Viết H số tiền chênh lệch tài sản là 76.500.000đ. (*Bảy mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Viết H.

Bà Lại Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 50.955.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 20.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001749 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; bà Lại Thị H còn phải nộp tiếp số tiền là 30.955.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

